

Số: 468/QĐ-ĐHNH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận đủ điều kiện học tiếng Anh chuyên ngành và miễn kiểm tra tiếng Anh đầu khóa đối với sinh viên ĐHCQ chương trình tiếng Anh bán phần (CLC) khóa 12 và CTĐT Đặc biệt tháng 09 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-ĐHNH-HĐT ngày 10/05/2022 về việc ban hành Quy chế chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1575/QĐ-ĐHNH, ngày 31/8/2021 của Hiệu trưởng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế đào tạo đại học hệ chính theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh được ban hành theo Quyết định số 2181/QĐ-ĐHNH, ngày 04/10/2019;

Căn cứ Quyết định số 466/QĐ-ĐHNH, ngày 28/02/2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1070/QĐ-ĐHNH, ngày 24/04/2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức và triển khai thực hiện chương trình đào tạo chất lượng cao, tiếng Anh bán phần, chương trình đào tạo đặc biệt trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ thông báo số 1146/TB-ĐHNH, ngày 30/08/2024 về kế hoạch học tập dành cho tân sinh viên đại học chính quy chuẩn Khóa 40, ĐHCQ chương trình tiếng Anh bán phần (CLC) Khóa 12 và CTĐT Đặc biệt;

Xét chứng chỉ Anh văn sinh viên nộp và đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận đạt chuẩn tiếng Anh giai đoạn đào tạo đại cương đối với 339 sinh viên đại học chính quy chương trình tiếng Anh bán phần (CLC) Khóa 12 và CTĐT Đặc biệt.

(Danh sách kèm theo)



Điều 2. Các đơn vị phối hợp thực hiện theo Quyết định số 1075/QĐ-ĐHNH, ngày 08/05/2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế quản lý điểm trên Hệ thống phần mềm Quản lý đào tạo.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo, Trưởng Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng, Trưởng Phòng Tài chính kế toán và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3: để th/ hiện;
- Phòng KT&ĐBCL, Phòng TC-KT;
- Lưu: VP, Ban CLC (2b).



HIỆU TRƯỞNG 

PGS.TS. Nguyễn Đức Trung



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ CHƯƠNG TRÌNH TIẾNG ANH BÁN PHẦN (CLC) KHÓA 12 VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẶC BIỆT ĐỦ ĐIỀU KIỆN HỌC TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH VÀ MIỄN KIỂM TRA
KỲ THI TIẾNG ANH ĐẦU KHÓA THÁNG 09 NĂM 2024



(Ban hành kèm theo Quyết định : 3468 /QĐ-ĐHNH, ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Hiệu trưởng)

STT	MÃ SỐ SV	* HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ	NƠI CẤP
1	050512240008	Nguyễn Tú	Anh	07/04/2006	HQ12-ACC01	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
2	050512240156	Nguyễn Ngọc Thái	Hân	16/05/2006	HQ12-ACC01	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
3	050512240022	Lê Thắm	Hằng	09/09/2006	HQ12-ACC01	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
4	050512240165	Phan Gia	Huệ	03/12/2006	HQ12-ACC01	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
5	050512240227	Nguyễn Yến Thanh	Thảo	08/06/2006	HQ12-ACC01	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
6	050512240235	Dương Minh	Thư	07/06/2006	HQ12-ACC01	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
7	050512240017	Nguyễn Phương Thùy	Dung	25/11/2006	HQ12-ACC02	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
8	050512240173	Bùi Trần Anh	Khoa	25/09/2006	HQ12-ACC02	Chứng chỉ Anh văn B1 - HUB	Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM
9	050512240207	Phan Ngọc Uyên	Nhi	19/07/2006	HQ12-ACC02	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
10	050512240128	Phan Hoàng	Phúc	26/11/2006	HQ12-ACC02	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
11	050512240081	Lương Minh	Quân	27/01/2006	HQ12-ACC02	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
12	050512240237	Nguyễn Minh	Thư	27/12/2006	HQ12-ACC02	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
13	050512240233	Lưu Thị Thanh	Thùy	25/10/2006	HQ12-ACC02	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
14	050512240176	Nguyễn Thanh Thụy	Linh	06/03/2006	HQ12-ACC03	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
15	050512240180	Hồ Tuệ	Mẫn	04/01/2006	HQ12-ACC03	B1	BRITISH COUNCIL VIETNAM
16	050512240063	Trần Đông	Nghi	02/01/2006	HQ12-ACC03	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
17	050512240251	Ngô Lê Quỳnh	Trân	03/12/2006	HQ12-ACC03	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
18	050512240134	Nguyễn Đức	Anh	14/05/2006	HQ12-ACC04	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
19	050512240155	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	08/02/2006	HQ12-ACC04	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
20	050512240163	Nguyễn Lê Huy	Hoàng	09/01/2006	HQ12-ACC04	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
21	050512240066	Trần Khánh	Ngọc	09/03/2006	HQ12-ACC04	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ	NƠI CẤP
22	050512240206	Nguyễn Phạm Quỳnh	Nhi	07/07/2006	HQ12-ACC04	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
23	050512240204	Lê Hà Lâm	Nhi	13/09/2006	HQ12-ACC04	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
24	050512240104	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	08/11/2006	HQ12-ACC04	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
25	050512240136	Nguyễn Thị Minh	Anh	16/06/2006	HQ12-ACC05	Chứng chỉ IELTS	British Council
26	050512240012	Võ Quang Nhật	Anh	22/10/2006	HQ12-ACC05	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
27	050512240015	Trần Hưng	Bảo	18/08/2006	HQ12-ACC05	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
28	050512240059	Chiêm Bảo	Ngân	20/01/2006	HQ12-ACC05	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
29	050512240194	Mai Xuân	Nghi	16/11/2006	HQ12-ACC05	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
30	050512240219	Hoàng Kim	Quyên	19/04/2006	HQ12-ACC05	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
31	050512240242	Đỗ Minh	Thy	16/06/2006	HQ12-ACC05	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
32	050512240016	Đặng Phạm Quỳnh	Châu	28/03/2006	HQ12-ACC06	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
33	050512240142	Đặng Trung	Dung	24/12/2006	HQ12-ACC06	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
34	050512240041	Đỗ Như	Khánh	29/08/2006	HQ12-ACC06	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
35	050512240172	Nguyễn Hoàng	Khiêm	26/02/2006	HQ12-ACC06	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
36	050512240193	Vũ Huyền	Ngân	27/02/2006	HQ12-ACC06	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
37	050512240195	Dương Hồ Khánh	Ngọc	27/09/2006	HQ12-ACC06	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
38	050512240221	Nguyễn Ngọc Nhã	Quỳnh	23/08/2006	HQ12-ACC06	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
39	050512240223	Lê Minh	Tâm	27/07/2006	HQ12-ACC06	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
40	050112240412	Trương Mai	Anh	03/04/2006	HQ12-BAF01	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
41	050112240316	Nguyễn Lê Ngọc	Anh	05/03/2006	HQ12-BAF01	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
42	050112240396	Nguyễn Phương	Anh	03/04/2006	HQ12-BAF01	Chứng chỉ Anh văn B1 - HUB	Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM
43	050112240470	Hoàng Ánh	Dương	03/11/2006	HQ12-BAF01	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
44	050112240502	Nguyễn Hoàng	Hải	04/03/2006	HQ12-BAF01	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
45	050112240662	Vũ Thị Khánh	Linh	03/11/2006	HQ12-BAF01	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
46	050112240814	Trần Lê Thảo	Nhi	01/09/2006	HQ12-BAF01	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
47	050112240223	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	03/05/2006	HQ12-BAF01	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ	NƠI CẤP
48	050112240995	Phan Thị Anh	Thư	02/11/2006	HQ12-BAF01	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
49	050112240234	Võ Ngọc Hiền	Thục	01/03/2006	HQ12-BAF01	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
50	050112241068	Phạm Hoàng Bảo	Trân	04/08/2006	HQ12-BAF01	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
51	050112240596	Hàng Thế	Khang	08/11/2006	HQ12-BAF02	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
52	050112240611	Lê Gia	Khiêm	07/06/2006	HQ12-BAF02	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
53	050112240616	Nguyễn Đình	Khoa	05/12/2006	HQ12-BAF02	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
54	050112240754	Mã Thị Minh	Ngọc	10/01/2006	HQ12-BAF02	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
55	050112240756	Nguyễn Gia Bảo	Ngọc	07/11/2006	HQ12-BAF02	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
56	050112240778	Trần Huỳnh Đăng	Nguyên	10/01/2006	HQ12-BAF02	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
57	050112240850	Trần Minh	Phát	10/07/2006	HQ12-BAF02	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
58	050112240208	Nguyễn Vũ Kiều	Phương	06/05/2006	HQ12-BAF02	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
59	050112240894	Nguyễn Khả	Quỳnh	10/06/2006	HQ12-BAF02	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
60	050112240893	Nguyễn Hà Khánh	Quỳnh	06/03/2006	HQ12-BAF02	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
61	050112240899	Trần Diễm	Quỳnh	09/05/2006	HQ12-BAF02	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
62	050112241116	Vương Ngọc Phương	Uyên	09/06/2006	HQ12-BAF02	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
63	050112240384	Nguyễn Hà	Anh	12/04/2006	HQ12-BAF03	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
64	050112240439	Trịnh Hồng	Bửu	11/05/2006	HQ12-BAF03	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
65	050112240523	Phạm Hoàng Ngọc	Hân	14/08/2006	HQ12-BAF03	Chứng chỉ Anh văn B1 - HUB	Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM
66	050112240525	Trần Đoàn Ngọc	Hân	13/04/2006	HQ12-BAF03	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
67	050112240503	Đặng Minh	Hạnh	10/09/2006	HQ12-BAF03	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
68	050112240560	Nguyễn Đỗ Gia	Huy	14/08/2006	HQ12-BAF03	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
69	050112240563	Nguyễn Quốc	Huy	10/12/2006	HQ12-BAF03	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
70	050112240603	Cao Đỗ Vân	Khánh	11/09/2006	HQ12-BAF03	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
71	050112240640	Vũ Lê Trúc	Lam	10/11/2006	HQ12-BAF03	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
72	050112240670	Nguyễn Tấn	Lộc	11/06/2006	HQ12-BAF03	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
73	050112240120	Trần Ngọc Phương	Mai	11/10/2006	HQ12-BAF03	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ	NƠI CẤP
74	050112240702	Nguyễn Văn Lê	Minh	11/05/2006	HQ12-BAF03	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
75	050112240738	Võ Thị Kim	Ngân	14/06/2006	HQ12-BAF03	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
76	050112240181	Nguyễn Trí	Nhân	13/11/2006	HQ12-BAF03	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
77	050112240829	Nguyễn Huỳnh	Như	12/10/2006	HQ12-BAF03	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
78	050112240854	Tạ Thiên	Phúc	12/07/2006	HQ12-BAF03	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
79	050112240890	Nguyễn Bùi Phương	Quỳnh	13/11/2006	HQ12-BAF03	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
80	050112240242	Trần Minh	Thư	11/11/2006	HQ12-BAF03	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
81	050112241004	Nguyễn Anh	Thương	12/11/2006	HQ12-BAF03	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
82	050112240011	Nguyễn Trâm	Anh	16/02/2006	HQ12-BAF04	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
83	050112240489	Lê Đỗ Phúc	Gia	17/04/2006	HQ12-BAF04	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
84	050112240095	Trương Thị Ngọc	Hương	16/01/2006	HQ12-BAF04	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
85	050112240593	Huỳnh Quang	Khải	17/09/2006	HQ12-BAF04	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
86	050112240653	Nguyễn Đặng Gia	Linh	16/11/2006	HQ12-BAF04	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
87	050112240739	Đào Phương	Nghi	15/01/2006	HQ12-BAF04	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
88	050112241128	Lê Quang	Vinh	18/04/2006	HQ12-BAF04	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
89	050112240381	Lê Trúc	Anh	18/12/2006	HQ12-BAF05	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
90	050112240509	Nguyễn Thị Minh	Hằng	21/10/2006	HQ12-BAF05	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
91	050112240549	Nguyễn Thiện	Hoài	20/02/2006	HQ12-BAF05	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
92	050112240324	Vũ Quang	Huy	20/11/2006	HQ12-BAF05	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
93	050112240565	Trần Quang	Huy	21/01/2006	HQ12-BAF05	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
94	050112240608	Trần Đăng	Khánh	21/12/2006	HQ12-BAF05	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
95	050112240742	Nguyễn Phương	Nghi	22/04/2006	HQ12-BAF05	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
96	050112240188	Trần Mẫn	Nhi	21/09/2006	HQ12-BAF05	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
97	050112240199	Tiền Mỹ	Như	21/11/2006	HQ12-BAF05	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
98	050112240209	Nguyễn Minh	Quân	18/10/2006	HQ12-BAF05	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
99	050112240876	Bùi Thanh	Quốc	20/01/2006	HQ12-BAF05	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ	NƠI CẤP
100	050112240961	Lưu Ngọc	Thơ	18/11/2006	HQ12-BAF05	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
101	050112241055	Nguyễn Thùy	Trâm	22/01/2006	HQ12-BAF05	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
102	050112241114	Trần Ngọc Phương	Uyên	22/02/2006	HQ12-BAF05	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
103	050112241135	Đinh Vũ Tường	Vy	20/04/2006	HQ12-BAF05	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
104	050112240371	Hồ Lê Tuyết	Anh	25/09/2006	HQ12-BAF06	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
105	050112240398	Nguyễn Quốc	Anh	26/04/2006	HQ12-BAF06	Chứng chỉ IELTS	Bristish Council
106	050112240369	Đào Nguyễn Hùng	Anh	24/11/2006	HQ12-BAF06	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
107	050112240388	Nguyễn Ngọc	Anh	23/06/2006	HQ12-BAF06	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
108	050112240445	Trần Lê Hồng	Châu	26/07/2006	HQ12-BAF06	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
109	050112240491	Lê Dương Quỳnh	Giang	25/05/2006	HQ12-BAF06	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
110	050112240536	Trần Thị Diệu	Hiền	24/08/2006	HQ12-BAF06	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
111	050112240096	Nguy Hoàng	Hy	25/10/2006	HQ12-BAF06	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
112	050112240110	Đỗ Hoàng	Linh	23/05/2006	HQ12-BAF06	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
113	050112240669	Đặng Tiến	Lộc	23/03/2006	HQ12-BAF06	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
114	050112240119	Lê Hà Phương	Mai	26/03/2006	HQ12-BAF06	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
115	050112240708	Nguyễn Hoàng Thảo	My	23/07/2006	HQ12-BAF06	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
116	050112240913	Lê Mai Thanh	Tâm	22/11/2006	HQ12-BAF06	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
117	050112241118	Tăng Thu	Vân	25/04/2006	HQ12-BAF06	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
118	050112240374	Huỳnh Nguyễn Quỳnh	Anh	31/12/2006	HQ12-BAF07	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
119	050112240389	Nguyễn Ngọc Lan	Anh	28/08/2006	HQ12-BAF07	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
120	050112240428	Huỳnh Gia	Bảo	31/12/2006	HQ12-BAF07	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
121	050112240460	Vũ Anh	Dũng	29/12/2006	HQ12-BAF07	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
122	050112240514	Lê Thị Minh	Hân	31/07/2006	HQ12-BAF07	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
123	050112240542	Nguyễn Huỳnh Trung	Hiếu	27/01/2006	HQ12-BAF07	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
124	050112240599	Trần Phúc	Khang	26/10/2006	HQ12-BAF07	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
125	050112240851	Phạm Trường	Phú	28/04/2006	HQ12-BAF07	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ	NƠI CẤP
126	050112240852	Đỗ Hoàng	Phúc	26/10/2006	HQ12-BAF07	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
127	050112240901	Trần Trịnh Như	Quỳnh	27/06/2006	HQ12-BAF07	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
128	050112240219	Lê Khánh	Quỳnh	30/03/2006	HQ12-BAF07	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
129	050112240918	Lương Tổ	Thái	30/07/2006	HQ12-BAF07	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
130	050112241044	Đỗ Thị Ngọc	Trâm	29/08/2006	HQ12-BAF07	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
131	050112240626	Nguyễn Khắc Trung	Kiên	02/07/2006	HQ12-BAF08	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
132	050112240650	Lê Nguyễn Triệu	Linh	01/04/2006	HQ12-BAF08	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
133	050112240775	Nguyễn Hữu	Nguyên	01/11/2006	HQ12-BAF08	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
134	050112240830	Nguyễn Ngọc Linh	Như	01/08/2006	HQ12-BAF08	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
135	050112240916	Nguyễn Phúc	Tân	01/01/2006	HQ12-BAF08	Chứng chỉ Anh văn B1 - HUB	Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM
136	050112241000	Trương Nguyễn Anh	Thư	01/11/2006	HQ12-BAF08	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
137	050112241069	Trần Minh	Trân	01/01/2006	HQ12-BAF08	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
138	050112241166	Hồ Mai Như	Ý	02/03/2006	HQ12-BAF08	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
139	050112240471	Lê Quang	Dương	03/12/2006	HQ12-BAF09	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
140	050112240919	Nguyễn Duy	Thái	02/11/2005	HQ12-BAF09	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
141	050112241080	Dương Thanh	Trúc	04/05/2006	HQ12-BAF09	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
142	050112241081	Dương Thủy	Trúc	04/05/2006	HQ12-BAF09	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
143	050112241134	Đỗ Thảo	Vy	04/09/2006	HQ12-BAF09	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
144	050112241141	Lê Phạm Thảo	Vy	03/07/2006	HQ12-BAF09	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
145	050112240435	Trần Hồng Khánh	Băng	04/12/2006	HQ12-BAF10	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
146	050112240538	Vũ Thúy	Hiền	06/05/2006	HQ12-BAF10	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
147	050112240658	Phan Hồ Khánh	Linh	05/06/2006	HQ12-BAF10	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
148	050112240744	Cao Trần Trung	Nghĩa	04/11/2006	HQ12-BAF10	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
149	050112240347	Lê Hoàng Mỹ	Phương	06/03/2006	HQ12-BAF10	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
150	050112240885	Đặng Tô Ngọc	Quỳnh	05/07/2006	HQ12-BAF10	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
151	050112240355	Nghiêm Xuân	Tùng	05/08/2006	HQ12-BAF10	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ	NƠI CẤP
152	050112240465	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	06/11/2006	HQ12-BAF11	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
153	050112240492	Lê Hà Khánh	Giang	07/12/2006	HQ12-BAF11	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
154	050112240533	Nguyễn Phú	Hậu	06/08/2006	HQ12-BAF11	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
155	050112240327	Nguyễn Hồ Nguyệt	Khanh	07/09/2006	HQ12-BAF11	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
156	050112240630	Trần Anh	Kiệt	07/08/2006	HQ12-BAF11	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
157	050112240685	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	07/10/2006	HQ12-BAF11	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
158	050112240828	Nguyễn Hồ Quỳnh	Như	07/04/2006	HQ12-BAF11	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
159	050112240868	Nguyễn Ngọc Anh	Phương	07/08/2006	HQ12-BAF11	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
160	050112241018	Nguyễn Cảnh	Toàn	07/09/2006	HQ12-BAF11	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
161	050112241020	Bùi Phạm Phương	Trà	06/07/2006	HQ12-BAF11	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
162	050112240183	Đặng Thục	Nhi	08/06/2006	HQ12-BAF12	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
163	050112240290	Nguyễn	Uyên	09/01/2006	HQ12-BAF12	Chứng chỉ B1	Cambridge Assessment
164	050112240438	Nông Nguyễn Hải	Bình	10/10/2006	HQ12-BAF13	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
165	050112240111	Hoàng Ngọc	Linh	11/07/2006	HQ12-BAF13	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
166	050112240149	Võ Châu	Ngân	10/09/2006	HQ12-BAF13	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
167	050112240349	Phạm Trần Diễm	Quỳnh	10/01/2006	HQ12-BAF13	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
168	050112241119	Trần Tuệ	Vân	11/04/2006	HQ12-BAF13	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
169	050112241143	Lưu Trang	Vy	11/01/2006	HQ12-BAF13	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
170	050112240410	Trần Thị Minh	Anh	13/07/2006	HQ12-BAF14	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
171	050112240636	Dương Thị Mỹ	Lam	12/06/2006	HQ12-BAF14	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
172	050112240857	Bùi Ngọc	Phương	13/10/2006	HQ12-BAF14	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
173	050112240888	Mỹ Thị Như	Quỳnh	13/05/2005	HQ12-BAF14	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
174	050112241013	Nguyễn Thủy	Tiên	13/10/2006	HQ12-BAF14	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
175	050112241025	Đỗ Thị Thu	Trang	12/07/2006	HQ12-BAF14	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
176	050112240505	Nguyễn Châu Đức	Hạnh	14/01/2006	HQ12-BAF15	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
177	050112240657	Nguyễn Văn	Linh	14/10/2006	HQ12-BAF15	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ	NƠI CẤP
178	050112240137	Đỗ Ngọc Kim	Ngân	15/07/2006	HQ12-BAF15	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
179	050112240748	Đặng Hồng	Ngọc	14/10/2006	HQ12-BAF15	Chứng chỉ B1	Cambridge Assessment
180	050112240764	Trần Ngô Khánh	Ngọc	14/08/2006	HQ12-BAF15	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
181	050112240856	Nguyễn Hữu	Phước	14/01/2006	HQ12-BAF15	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
182	050112240910	Đỗ Nguyễn Diệu	Tâm	15/06/2006	HQ12-BAF15	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
183	050112240352	Trương Nhật	Tiến	15/07/2006	HQ12-BAF15	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
184	050112240452	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	16/11/2006	HQ12-BAF16	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
185	050112240605	Ngô Phương	Khánh	17/11/2006	HQ12-BAF16	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
186	050112240627	Trần Cao	Kiên	16/02/2006	HQ12-BAF16	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
187	050112240335	Nguyễn Thùy	Linh	17/08/2006	HQ12-BAF16	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
188	050112240831	Nguyễn Quỳnh	Như	17/04/2006	HQ12-BAF16	Chứng chỉ Anh văn B2 - HUB	Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM
189	050112241067	Phạm Bảo	Trân	15/12/2006	HQ12-BAF16	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
190	050112241156	Phan Nguyễn Tường	Vy	16/12/2006	HQ12-BAF16	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
191	050112240535	Trần Phạm Như	Hiền	20/03/2005	HQ12-BAF17	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
192	050112240973	Lê Nguyễn Anh	Thư	20/01/2006	HQ12-BAF17	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
193	050112240003	Hồ Tuấn	Anh	21/06/2006	HQ12-BAF18	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
194	050112240114	Nguyễn Nhật	Linh	20/09/2006	HQ12-BAF18	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
195	050112240936	Phạm Thu	Thảo	21/01/2006	HQ12-BAF18	Chứng chỉ Anh văn B1 - HUB	Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM
196	050112240951	Hứa Hoàng	Thiện	21/11/2006	HQ12-BAF18	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
197	050112240977	Lương Minh	Thư	20/09/2006	HQ12-BAF18	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
198	050112241033	Nguyễn Minh	Trang	21/02/2006	HQ12-BAF18	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
199	050112240018	Võ Khánh	Băng	23/11/2006	HQ12-BAF19	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
200	050112240597	Lê Hoàng	Khang	23/04/2006	HQ12-BAF19	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
201	050112240905	Trần Công	Son	23/12/2006	HQ12-BAF19	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
202	050112240949	Huỳnh Thị Hồng	Thắm	23/08/2006	HQ12-BAF19	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
203	050112241026	Đỗ Thu	Trang	23/02/2006	HQ12-BAF19	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ	NƠI CẤP
204	050112241086	Phạm Thị Thanh	Trúc	23/02/2006	HQ12-BAF19	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
205	050112240375	Huỳnh Yến	Anh	24/10/2005	HQ12-BAF20	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
206	050112240418	Lê Ngọc	Ánh	24/08/2006	HQ12-BAF20	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
207	050112240516	Nguyễn Gia Bảo	Hân	24/07/2006	HQ12-BAF20	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
208	050112240537	Vũ Thu	Hiền	25/07/2006	HQ12-BAF20	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
209	050112240813	Trần Huỳnh Xuân	Nhi	24/02/2006	HQ12-BAF20	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
210	050112240867	Nguyễn Lan	Phương	25/05/2006	HQ12-BAF20	Chứng chỉ IELTS	IDP Education
211	050112240944	Võ Thái Thanh	Thảo	25/09/2006	HQ12-BAF20	Chứng chỉ Anh văn B2 - HUB	Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM
212	050112240486	Thái Thục	Đoan	27/09/2006	HQ12-BAF21	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
213	050112240493	Nguyễn Lê Trường	Giang	27/05/2006	HQ12-BAF21	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
214	050112240591	Trần Thị Quỳnh	Hương	28/05/2006	HQ12-BAF21	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
215	050112240594	Lê Minh	Khải	27/12/2006	HQ12-BAF21	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
216	050112240609	Trần Lê Nhật	Khánh	25/12/2006	HQ12-BAF21	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
217	050112240632	Lê Nguyễn Thiên	Kim	28/05/2006	HQ12-BAF21	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
218	050112240704	Võ Tiến	Minh	26/11/2006	HQ12-BAF21	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
219	050112240747	Đinh Bảo	Ngọc	25/11/2006	HQ12-BAF21	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
220	050112240802	Nguyễn Ngọc Phương	Nhi	29/03/2006	HQ12-BAF21	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
221	050112240869	Nguyễn Thị Thu	Phương	28/11/2006	HQ12-BAF21	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
222	050112240500	Trần Việt	Hà	27/05/2006	HQ12-BAF22	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
223	050112240092	Lý Trung	Hưng	26/01/2006	HQ12-BAF22	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
224	050112240106	Nguyễn Phạm Thế	Kiệt	26/02/2006	HQ12-BAF22	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
225	050112240168	Mai Doãn Hạnh	Nguyên	29/01/2006	HQ12-BAF22	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
226	050112240823	Huỳnh	Như	25/11/2006	HQ12-BAF22	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
227	050112241130	Đỗ Hoàng	Vũ	25/12/2005	HQ12-BAF22	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
228	050112240665	Huỳnh Nam	Long	30/04/2006	HQ12-BAF23	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
229	050112240118	Đỗ Bạch	Mai	30/04/2006	HQ12-BAF23	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ	NƠI CẤP
230	050112240773	Lê Nguyễn Thảo	Nguyên	29/05/2006	HQ12-BAF23	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
231	050112240248	Lê Ngọc Thùy	Tiên	31/03/2006	HQ12-BAF23	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
232	050112241155	Phan Hồ Hải	Vy	29/08/2006	HQ12-BAF23	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
233	150401240058	Nguyễn Khánh	Hằng	10/06/2006	HQ12-BBE01	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
234	150401240048	Lê Nguyễn Gia	Huy	12/05/2006	HQ12-BBE01	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
235	150401240061	Lương Nguyễn Khánh	Linh	30/07/2006	HQ12-BBE01	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
236	150401240064	Lê Phương	Nghi	29/01/2006	HQ12-BBE01	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
237	150401240043	Trần Ngọc Phương	Uyên	16/11/2006	HQ12-BBE01	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
238	150401240050	Đào Thị Mỹ	Ái	18/07/2006	HQ12-BBE02	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
239	150401240051	Nguyễn Hà Quỳnh	Anh	07/11/2006	HQ12-BBE02	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
240	150401240053	Nguyễn Ngọc Phương	Ánh	03/04/2006	HQ12-BBE02	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
241	150401240054	Huỳnh Kim	Bình	19/06/2006	HQ12-BBE02	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
242	150401240057	Nguyễn Hạnh	Duyên	08/06/2005	HQ12-BBE02	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
243	150401240008	Nguyễn Ngọc	Giang	29/09/2006	HQ12-BBE02	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
244	150401240060	Phan Ngọc Gia	Hân	11/01/2006	HQ12-BBE02	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
245	150401240012	Đoàn Trần	Huyền	28/03/2006	HQ12-BBE02	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
246	150401240021	Đào Gia	Minh	16/12/2006	HQ12-BBE02	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
247	150401240023	Huỳnh Thảo	My	14/10/2006	HQ12-BBE02	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
248	150401240070	Võ Phương	Quỳnh	05/09/2006	HQ12-BBE02	Chứng chỉ IELTS	British council
249	150401240034	Bùi Đoàn Như	Quỳnh	05/10/2006	HQ12-BBE02	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
250	150401240081	Nguyễn Thị Tường	Vy	24/02/2006	HQ12-BBE02	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
251	150401240082	Trần Nguyễn Thúy	Vy	04/11/2006	HQ12-BBE02	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
252	050812240068	Trần Thị Thúy	An	20/09/2006	HQ12-INE01	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
253	050812240002	Nguyễn Dương Huệ	Anh	09/05/2006	HQ12-INE01	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
254	050812240003	Nguyễn Lê Quỳnh	Anh	07/10/2006	HQ12-INE01	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
255	050812240004	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	04/11/2006	HQ12-INE01	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ	NƠI CẤP
256	050812240070	Nguyễn Trúc	Đào	06/04/2006	HQ12-INE01	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
257	050812240072	Nguyễn Yến	Giang	03/11/2006	HQ12-INE01	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
258	050812240073	Nguyễn Gia	Huy	08/12/2006	HQ12-INE01	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
259	050812240025	Trần Nguyễn Phương	Minh	04/11/2006	HQ12-INE01	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
260	050812240026	Lý Kim	Ngọc	02/01/2006	HQ12-INE01	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
261	050812240078	Nguyễn Thanh	Nhã	07/07/2006	HQ12-INE01	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
262	050812240032	Nguyễn Hoàng	Oanh	28/10/2005	HQ12-INE01	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
263	050812240080	Phan Châu Nhật	Quỳnh	16/02/2006	HQ12-INE01	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
264	050812240042	Trịnh Thị Lệ	Trúc	02/07/2006	HQ12-INE01	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
265	050812240067	Trần Nguyễn Hải	Yến	19/03/2006	HQ12-INE01	Chứng chỉ Anh văn B1 - HUB	Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM
266	050812240006	Hà Ngọc	Ánh	14/11/2006	HQ12-INE02	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
267	050812240012	Trần Phương Khánh	Châu	31/01/2006	HQ12-INE02	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
268	050812240069	Nguyễn Thị Thanh	Diệu	11/11/2006	HQ12-INE02	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
269	050812240071	Lê Nguyễn Thục	Đoan	18/11/2006	HQ12-INE02	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
270	050812240015	Lê Huy	Đức	22/09/2006	HQ12-INE02	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
271	050812240013	Võ Hoàng Ngọc	Dung	20/01/2006	HQ12-INE02	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
272	050812240018	Lê Ngọc Gia	Hân	17/10/2006	HQ12-INE02	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
273	050812240021	Trịnh Đặng Khánh	Huyền	21/09/2006	HQ12-INE02	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
274	050812240074	Võ Huỳnh	Lê	22/06/2006	HQ12-INE02	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
275	050812240054	Nguyễn Thùy	Linh	30/12/2006	HQ12-INE02	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
276	050812240056	Lại Trung Thành	Long	26/06/2006	HQ12-INE02	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
277	050812240075	Nguyễn Lê My	Na	25/01/2006	HQ12-INE02	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
278	050812240076	Trần Bảo	Ngân	24/08/2006	HQ12-INE02	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
279	050812240077	Nguyễn Đình Thanh	Nguyên	22/02/2006	HQ12-INE02	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
280	050812240033	Hồ Lê Uyên	Phương	01/01/2006	HQ12-INE02	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
281	050812240035	Đinh Lê Như	Quỳnh	19/08/2006	HQ12-INE02	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ	NƠI CẤP
282	050812240082	Nguyễn Võ Quỳnh	Trang	26/01/2006	HQ12-INE02	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
283	050812240043	Lê Thảo	Vi	30/01/2006	HQ12-INE02	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
284	050812240044	Nguyễn Huy	Vũ	11/10/2006	HQ12-INE02	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
285	050812240045	Trần Hạ Trúc	Vy	14/03/2006	HQ12-INE02	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
286	050312240008	Lê Nguyễn Bảo	Anh	01/01/2006	HQ12-MAG01	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
287	050312240278	Nguyễn Huỳnh Tấn	Khang	11/02/2006	HQ12-MAG01	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
288	050312240288	Mai Anh	Kiệt	11/10/2006	HQ12-MAG01	Chứng chỉ IELTS	IDP EDUCATION
289	050312240326	Nguyễn Tường Ngọc	Như	09/12/2006	HQ12-MAG01	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
290	050312240141	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	08/10/2006	HQ12-MAG01	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
291	050312240365	Nguyễn Thị Bích	Trâm	12/10/2006	HQ12-MAG01	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
292	050312240196	Trần Bảo	Trân	11/04/2006	HQ12-MAG01	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
293	050312240216	Nguyễn Đỗ Mai	Uyên	10/02/2006	HQ12-MAG01	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
294	050312240252	Đặng Phan Mỹ	Duyên	30/11/2006	HQ12-MAG02	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
295	050312240273	Nguyễn Thu	Huyền	28/12/2006	HQ12-MAG02	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
296	050312240286	Dương Trung	Kiên	18/01/2006	HQ12-MAG02	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
297	050312240363	Đoàn Ngọc Bảo	Trâm	27/07/2006	HQ12-MAG02	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
298	050312240371	Mạch Thị Bảo	Tuyền	21/10/2006	HQ12-MAG02	Chứng chỉ Anh văn B1 - HUB	Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM
299	050312240381	Nguyễn Hoàng Lan	Vi	15/12/2006	HQ12-MAG02	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
300	050312240061	Trần Nguyễn Mạnh	Hùng	02/04/2006	HQ12-MAG03	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
301	050312240338	Đỗ Huỳnh Phương Mỹ	Phương	03/07/2006	HQ12-MAG03	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
302	050312240149	Nguyễn Thành	Sơn	05/01/2006	HQ12-MAG03	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
303	050312240384	Nguyễn Ngọc Thái	Vy	03/04/2006	HQ12-MAG03	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
304	050312240308	Phạm Tấn	Nghĩa	10/02/2006	HQ12-MAG04	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
305	050312240229	Lê Nguyễn Mai	Vy	07/09/2006	HQ12-MAG04	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
306	050312240026	Phan Bảo	Châu	13/06/2006	HQ12-MAG05	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
307	050312240132	Nguyễn Thanh Thùy	Phương	12/06/2006	HQ12-MAG05	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ	NƠI CẤP
308	050312240357	Võ Trần Thanh	Thư	11/02/2006	HQ12-MAG05	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
309	050312240367	Nguyễn Hoàng Thanh	Trúc	15/01/2006	HQ12-MAG05	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
310	050312240047	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	19/03/2006	HQ12-MAG06	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
311	050312240276	Lê Nguyễn Quỳnh	Hương	19/12/2006	HQ12-MAG06	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
312	050312240098	Nguyễn Diệp Kim	Ngân	17/08/2006	HQ12-MAG06	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
313	050312240139	Nguyễn Lê Lương	Quyên	17/04/2006	HQ12-MAG06	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
314	050312240143	Nguyễn Vũ Vân	Quỳnh	19/01/2006	HQ12-MAG06	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
315	050312240244	Phan Châu	Anh	22/01/2006	HQ12-MAG07	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
316	050312240015	Trần Duy	Anh	26/06/2006	HQ12-MAG07	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
317	050312240016	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	24/07/2006	HQ12-MAG07	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
318	050312240293	Phạm Hoàng	Long	26/12/2006	HQ12-MAG07	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
319	050312240297	Phạm Nhật	Minh	22/04/2006	HQ12-MAG07	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
320	050312240093	Phạm Hoàng Thiên	Nga	21/03/2006	HQ12-MAG07	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
321	050312240350	Nguyễn Xuân	Thùy	24/09/2006	HQ12-MAG07	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
322	050312240211	Nguyễn Thế	Tuấn	24/09/2006	HQ12-MAG07	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
323	050312240385	Đặng Huỳnh Như	Ý	20/10/2005	HQ12-MAG07	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
324	050312240246	Hồ Lê Gia	Bảo	27/04/2006	HQ12-MAG08	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
325	050312240042	Dương Tổng Khánh	Hạ	29/12/2006	HQ12-MAG08	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
326	050312240364	Huỳnh Ngọc Phương	Trâm	29/11/2006	HQ12-MAG08	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
327	050212240039	Nguyễn Ngọc Trâm	Anh	18/09/2006	HQ12-MIS01	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
328	050212240041	Nguyễn Ngọc	Ánh	20/07/2006	HQ12-MIS01	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
329	050212240045	Phạm Duy	Đức	12/04/2006	HQ12-MIS01	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
330	050212240006	Lâm Tuấn	Hưng	06/09/2006	HQ12-MIS01	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
331	050212240050	Nguyễn Trần Thùy	Hương	07/10/2006	HQ12-MIS01	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
332	050212240049	Trương Đăng	Huy	16/11/2006	HQ12-MIS01	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
333	050212240054	Trần Minh	Khôi	28/07/2006	HQ12-MIS01	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ	NƠI CẤP
334	050212240008	Chu Thị Khánh	Linh	02/05/2006	HQ12-MIS01	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
335	050212240060	Nguyễn Thanh Bảo	Ngọc	11/01/2006	HQ12-MIS02	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
336	050212240064	Tạ Nguyễn Quỳnh	Như	12/10/2006	HQ12-MIS02	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
337	050212240063	Nguyễn Thị Diệu	Nhung	21/12/2006	HQ12-MIS02	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam
338	050212240029	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	13/02/2006	HQ12-MIS02	Chứng chỉ IELTS	BRITISH COUNCIL VIETNAM
339	050212240032	Nguyễn Xuân Cát	Tường	20/05/2005	HQ12-MIS02	Chứng chỉ IELTS	IDP Việt Nam

Tổng cộng: 339 sinh viên